|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GDĐT NAM TRỰCTRƯỜNG THCS NAM CƯỜNG | GV: Nguyễn Mạnh Hùng |

# 

# ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – KHTN6 – CÁNH DIỀU

## **1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra giữa kì 1 môn Khoa học tự nhiên, lớp 6**

**a) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì 1 (Khi kết thúc bài 9: Một số lương thực – thực phẩm thông dụng)*

**- Thời gian làm bài:** *60 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

+ Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

+ Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 14 câu, thông hiểu: 2 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

+ Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 0,5 điểm, Thông hiểu: 2,5 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

**- Nội dung:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số ý tự luận/ Số câu TN ( Số yêu cầu cần đạt)** | | **Điểm số** | | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* |  | | *1. Giới thiệu về khoa học tự nhiên, dụng cụ đo và an toàn thực hành (7t)* |  | 3 | 5 | 1 |  |  |  |  | 5 | 4 | 2.25 | | *2. Các phép đo (10t)* |  | 5 |  | 1 | 5 |  |  |  | 5 | 6 | 2.75 | | *3. Các thể của chất (5t)* | 2 | 2 | 5 |  |  |  |  |  | 7 | 2 | 2.25 | | *4. Oxygen và không khí (3t)* |  | 3 |  |  |  |  |  |  | 0 | 3 | 0.75 | | *5. Một số vật liệu, nhiên liệu, lương thực thực phẩm (7t)* |  | 1 |  |  | 3 |  | 4 |  | 7 | 1 | 2.00 | | **Số câu TN/ Số ý TL** | **2** | **14** | **10** | **2** | **8** | **0** | **4** | **0** | **24** | **16** |  | | **(Số YCCĐ)** | | **Điểm số** | **0.5** | **3.5** | **2.5** | **0.5** | **2** | **0** | **1** | **0** | **6** | **4** | **10.0** | | **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | | |

**b) Bản đặc tả**

| **Nội dung và đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Câu số) | TN  (Câu số) |
| ***1. Mở đầu (7 tiết)*** | | | **5** | **4** |  |  |
| - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên  - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong  phòng thực hành | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên |  |  |  |  |
| – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  | 1 |  | C3 |
| – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiểm vi,...). |  | 2 |  | C2, C4 |
| – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. | 5 | 1 | C17 | C1 |
| – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
| ***2. Các phép đo (10 tiết)*** | | | **5** | **6** |  |  |
| - Đo chiều dài, khối lượng  và thời gian  - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  |  |  |  |
| - Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 2 |  | C5, C8 |
| - Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 2 |  | C6, C10 |
| – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  | **1** |  | C9 |
| – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| – Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ) |  |  |  |  |
| – Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo. |  | **1** |  | C7 |
| - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. | 1 |  | C18a |  |
| – Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* | **4** |  | C18b |  |
| **Vận dụng cao** | Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. |  |  |  |  |
| ***3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (8tiết)*** | | | **7** | **5** |  |  |
| – Sự đa dạng của chất  – Ba thể (trạng thái) cơ bản của  – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất | **Nhận biết** | Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh) |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta. |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo. |  |  |  |  |
| **-** Nêu được chất có trong các vật vô sinh. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự sự sôi. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự sự bay hơi. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ. |  | **1** |  | C14 |
| – Nêu được khái niệm về sự đông đặc. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn. |  |  |  |  |
| **Nhận biết** | – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể lỏng. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy. | **1** |  | C19a |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi. |  | **1** |  | C15 |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ | **1** |  | C19a |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| – Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). |  |  |  |  |
| – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  | **2** |  | C11, C13 |
| – Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  | **1** |  | C12 |
| – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. | **2** |  | C19b |  |
| - So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí. | **3** |  | C19c |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.  - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.  – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| ***4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (7 tiết)*** | | | **7** | **1** |  |  |
| – Một số vật liệu  – Một số nhiên liệu  – Một số nguyên liệu  – Một số lương thực – thực phẩm | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,... |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ... |  | **1** |  | C16 |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ... |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| – Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Phân tích, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm. |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng. | **3** |  | C20a |  |
| – Thu thập dữ liệu thảo luận để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. | **4** |  | C20b |  |

**c) Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6 – CÁNH DIỀU**

Thời gian làm bài 60 phút

**I. TRẮC NGIỆM: 4,0 điểm**

*Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:*

**Câu 1**. Lĩnh vực nào sau đây **không** thuộc vể khoa học tự nhiên (KHTN)?

A. Sinh Hoá. B.Thiên văn.

C. Lịch sử. D. Địa chất.

**Câu 2**. Để đo thể tích chất lỏng, em dùng dụng cụ nào dưới đây?

A. Bình chia độ B. Ống nghiệm

C. Ống nhỏ giọt D. Bình thủy tinh

**Câu 3.** Việc làm nào dưới đây **không** được thực hiện trong phòng thực hành?

A. Ăn, uống trong phòng thực hành.

B. Làm theo hướng dẫn của thầy, cô giáo.

C. Đeo gang tay và kính bảo hộ khi làm thí nghiệm.

D. Thu dọn hóa chất sau khi sử dụng.

**Câu 4**. Muốn quan sát tế bào lá cây, ta dùng dụng cụ nào?

A. Kính lúp. B. Kính râm.

C. Kính cận. D. Kính hiển vi.

**Câu 5.** Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

A. mét (m). B. milimét (mm).

C. centimét (cm). D. đêximét (dm).

**Câu 6.** Dụng cụ nào dưới đây **không** dùng để đo chiều dài?

A. Thước thẳng. B. Thước dây.

C. Đồng hồ. D. Thước cuộn.

**Câu 7**. Trước khi đo chiều dài của vật ta thường ước lượng chiều dài của vật để

A. đặt vật đo đúng cách. B. đọc kết quả đo chính xác.

C. đặt mắt đúng cách. D. lựa chọn thước đo phù hợp.

**Câu 8.** Lựa chọn đơn vị đo thích hợp điền vào mỗi chỗ trống sau.

- Khối lượng của một học sinh là 45……….

- Thời gian vận động viên chạy hết quãng đường 100 m là 15…………..

A. kilogam, phút. B. kilogam, giây.

C. gam, giây D. gam, phút

**Câu 9**. Số đo độ "nóng", "lạnh" của một vật gọi là

A. độ nóng B. độ lạnh

C. nhiệt độ D. độ nóng lạnh

**Câu 10.** Giới hạn đo của một thước là

A. chiều dài lớn nhất ghi trên thước.

B. chiều dài nhỏ nhất ghi trên thước.

C. chiều dài giữa hai vạch liên tiếp trên thước.

D. chiều dài giữa hai vạch chia nhỏ nhất trên thước.

**Câu 11.** Khi đun bếp lò luôn phải khơi thoáng, quạt hoặc thổi mạnh để

A. làm ngọn lửa nhỏ đi B. thêm chất cháy

C. tăng thêm lượng oxygen D. thêm nhiệt

**Câu 12.** Trong không khí, oxygen chiếm khoảng bao nhiêu phần về thể tích?

A. 1/4 B. 1/5 C. 1/10 D. 1/20

**Câu 13.** Trong một số đám cháy, đôi khi ta có thể dung một tấm chăn to, dày và nhúng nước để dập lửa nhằm

A. ngăn đám cháy tiếp xúc với oxygen.

B. tang diện tích tiếp xúc giữa oxygen và chất cháy.

C. lấy chất cháy đi.

D. cung cấp them nhiệt.

**Câu 14.** Sự chuyển từ thể hơi sang thể lỏng được gọi là

A. sự bay hơi. B. sự ngưng tụ.

C. sự đông đặc. D. sự nóng chảy.

**Câu 15.** Trong các trường hợp dưới đây, trường hợp nào liên quan đến sự bay hơi?

A. Kính cửa sổ bị mờ đi trong những ngày đông giá lạnh.

B. Cốc nước bị cạn dần khi để ngoài trời nắng.

C. Miếng bơ để bên ngoài tủ lạnh sau một thời gian bị chảy lỏng.

D. Đưa nước vào trong tủ lạnh để làm đá.

**Câu 16:** Tính chất nào sau đây **không** phải là của xăng, dầu?

A. Là chất lỏng. B. Không tan trong nước.

C. Nhẹ hơn nước. D. Khó bắt cháy.

**II. TỰ LUẬN: 6,0 điểm**

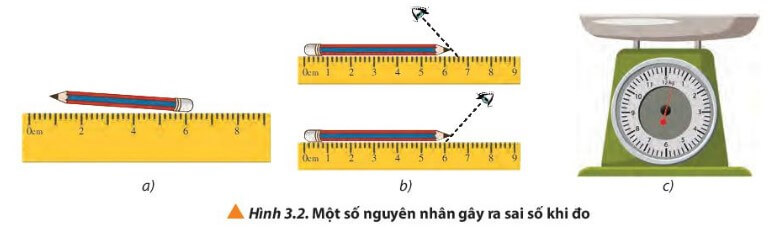
**Câu 17**. **(1,25đ)**

Viết tên lĩnh vực thuộc khoa học tự nhiên nghiên cứu mỗi đối tượng sau.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đối tượng nghiên cứu** | **Lĩnh vực thuộc khoa học tự nhiên** |
| Sinh vật và sự sống trên Trái Đất |  |
| Vũ trụ |  |
| Trái Đất |  |
| Vật chất, năng lượng và sự biến đổi của chúng trong tự nhiên |  |
| Chất và sự biến đổi các chất trong tự nhiên |  |

**Câu 18**. (**1,25đ)**

Trong giờ thực hành, bạn An dùng thước để đo chiều dài bút chì như hình vẽ sau:



a, Bạn An đặt mắt nhìn kết quả có thể sai thế nào?

b, Trình bày các thao tác để đo chiều dài của chiếc bút chì trong hình vẽ trên?

**Câu 19**. (**1,75đ)**

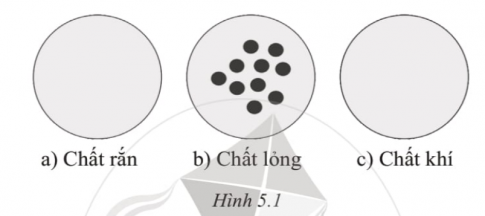
**a,** Mỗi trường hợp sau diễn ra quá trình chuyển thể nào?

- Đun chảy một mẩu nến. (nóng chảy)

- Sương đọng trên lá cây. (ngưng tụ)

**b**, Một bình thủy tinh dung tích 20 lít chứa 20 lít khí oxygen. Nếu ta thêm vào bình 2 lít khí oxygen nữa thì thể tích oxygen trong bình lúc này là bao nhiêu? Tại sao?

**c**, Sự sắp xếp các "hạt" trong chất lỏng được mô phỏng như hình 5.1b. Hãy vẽ lại sự sắp xếp các "hạt" trong chất rắn và chất khí vào hình 5.1a, c. Vì sao chất khí lại dễ nén hơn chất rắn và chất lỏng?



**Câu 20. (1,75đ)**

**a,** Hãy đề xuất phương án kiểm chứng xăng nhẹ hơn nước và không tan trong nước

**b,** Gas là một chất rất dễ cháy, khi gas trộn lẫn với oxygen trong không khí nó sẽ trở thành một hỗn hợp dễ nổ. Hỗn hợp này sẽ bốc cháy và nổ rất mạnh khi có tia lửa điện hoặc đánh lửa từ bật gas, bếp gas. Khi đi học về, mở cửa nhà ra mà ngửi thấy mùi gas thì em nên làm gì?

**d) Hướng dẫn chấm**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1**

**I. TRẮC NGHIỆM: 4 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **ĐA** | **C** | **A** | **A** | **D** | **A** | **C** | **D** | **B** |
| **Câu** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **ĐA** | **C** | **A** | **C** | **B** | **A** | **B** | **B** | **D** |

**II. TỰ LUẬN: 6 điểm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **Câu 17. (1,25 điểm)**   |  |  | | --- | --- | | **Đối tượng nghiên cứu** | **Lĩnh vực thuộc khoa học tự nhiên** | | Sinh vật và sự sống trên Trái Đất | Sinh vật | | Vũ trụ | Thiên văn học | | Trái Đất | Khoa học Trái Đất | | Vật chất, năng lượng và sự biến đổi của chúng trong tự nhiên | Vật lí | | Chất và sự biến đổi các chất trong tự nhiên | Hóa học | | **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm** |
| **Câu 18. (1,25 điểm)**  a) Đặt mắt như bạn An thì kết quả đo được lớn hơn chiều dài của bút chì.  b) Các thao tác để đo chiều dài của bút chì trong hình vẽ trên :  - Ước lượng độ dài của bút chì → chọn thước đo có giới hạn đo phù hợp.  - Đặt thước dọc theo độ dài của bút chì sao cho 1 đầu ngang bằng vạch số 0 của thước.  - Đặt mắt nhìn theo hướng vuông góc với cạnh thước ở đầu kia của bút chì.  - Đọc và ghi kết quả đo theo vạch chia gần nhất với đầu kia của vật. | **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm** |
| **Câu 19 (1,75đ)**  a, - Quá trình nóng chảy  - Quá trình ngưng tụ  b, - Thể tích oxygen trong bình không đổi là 20 lít  - Vì : các hạt chất khí cách xa nhau, giữa chúng còn nhiều khoảng trống.  c,  Chất khí lại dễ nén hơn chất rắn và chất lỏng vì các "hạt" trong chất khí ở cách xa nhau, giữa chúng có nhiều khoảng trống hơn so với trong chất rắn và chất lỏng. | **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm 0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm** |
| **Câu 20 (1,75đ)**  a, Phương án kiểm chứng xăng nhẹ hơn nước  - Nhỏ một vài giọt xăng vào cốc nước, lắc mạnh sau đó để yên quan sát  - Hiện tượng : xăng và nước tách thành 2 lớp, xăng ở phía trên  - Điều đó chứng tỏ xăng không tan và nhẹ hơn nước  b, Đi học về mà ngửi thấy mùi gas thì nên hành động như sau:  - Mở hết cửa để khí gas bay ra ngoài.  - Khóa van an toàn ở bình gas.  - Tuyệt đối không bật công tắc điện, không đánh lửa.  - Báo cho người lớn để kiểm tra và sửa chữa trước khi sử dụng lại. | **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm**  **0,25 điểm** |

*\* Căn cứ vào nội dung bộ SGK học sinh sử dụng để điều chỉnh Hướng dẫn chấm cho phù hợp, học sinh nêu ý tưởng, viết được ý đúng cho điểm tối đa*

**----------**